

**BỘ NÔNG NGHIỆP
VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 03 /2021/TT-BNNPTNT

Hà Nội, ngày 22 tháng 6 năm 2021

SỞ NN VÀ PTNT HƯNG YÊN

ĐẾN Số: 3635
Ngày: 23/6/2021
Chuyển: PG.Đ. Trọng
Số và ký hiệu HS:

THÔNG TƯ

sửa đổi, bổ sung một số điều của

Thông tư số 16/2013/TT-BNNPTNT ngày 28/02/2013
của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
về bảo hộ quyền đối với giống cây trồng

- P. Trọng.
- VPS.
Căn cứ Nghị định số 15/2017/NĐ-CP ngày 17 tháng 02 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29 tháng 11 năm 2005; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19 tháng 6 năm 2009;

Căn cứ Luật Trồng trọt ngày 19 tháng 11 năm 2018;

Căn cứ Nghị định số 88/2010/NĐ-CP ngày 16 tháng 8 năm 2010 của Chính phủ quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về quyền đối với giống cây trồng và Nghị định số 98/2011/NĐ-CP ngày 26 tháng 10 năm 2011 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định về nông nghiệp;

Căn cứ Nghị định số 105/2006/NĐ-CP ngày 22 tháng 9 năm 2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ và quản lý nhà nước về sở hữu trí tuệ và Nghị định số 119/2010/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2010 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 105/2006/NĐ-CP;

Căn cứ Nghị định số 94/2019/NĐ-CP ngày 13 tháng 12 năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Trồng trọt về giống cây trồng và canh tác;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Trồng trọt;

Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 16/TT-BNNPTNT ngày 28/02/2013 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về bảo hộ quyền đối với giống cây trồng.

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 16/2013/TT-BNNPTNT ngày 28/02/2013 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về bảo hộ quyền đối với giống cây trồng (sau đây viết tắt là Thông tư số 16/2013/TT-BNNPTNT) như sau:

1. Sửa đổi, bổ sung Điều 1 như sau:

“Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Thông tư này quy định chi tiết về xác lập quyền, đại diện quyền đối với giống cây trồng; cấp, cấp lại bằng bảo hộ giống cây trồng; đình chỉ, phục hồi, hủy bỏ hiệu lực bằng bảo hộ giống cây trồng.”

2. Sửa đổi khoản 2 Điều 4 như sau:

“2. Đại diện theo uỷ quyền của chủ đơn tiến hành các thủ tục về bảo hộ giống cây trồng theo quy định pháp luật về uỷ quyền; giấy uỷ quyền theo Mẫu tại Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư này.”

3. Sửa đổi, bổ sung Điều 5 như sau:

“Điều 5. Quy định chung về thực hiện thủ tục hành chính trong Thông tư này

1. Nộp hồ sơ thực hiện thủ tục hành chính: Tùy theo điều kiện tiếp nhận/ trả kết quả của Cục Trồng trọt, tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ trực tiếp hoặc gửi qua dịch vụ bưu chính hoặc qua môi trường điện tử (cơ chế một cửa quốc gia, dịch vụ công trực tuyến, phần mềm điện tử, email, fax):

a) Trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp, qua dịch vụ bưu chính: Các thành phần hồ sơ phải là bản chính hoặc bản sao có chứng thực hoặc bản sao xuất trình bản chính để đối chiếu hoặc bản sao có đóng dấu của cơ sở đối với văn bản do cơ sở ban hành;

b) Trường hợp nộp hồ sơ qua môi trường điện tử: Các thành phần hồ sơ phải được scan, chụp từ bản chính. Thành phần hồ sơ phải được kê khai và ký chữ ký số trên các biểu mẫu điện tử được cung cấp sẵn theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 9 Nghị định số 45/2020/NĐ-CP ngày 08/04/2020 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử.

2. Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

3. Thời gian trả lời tính đầy đủ của thành phần hồ sơ:

a) Trường hợp nộp trực tiếp: Cục Trồng trọt kiểm tra thành phần hồ sơ và trả lời ngay tính đầy đủ của hồ sơ cho tổ chức, cá nhân;

b) Trường hợp nộp hồ sơ qua dịch vụ bưu chính: Trong thời hạn không quá 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ, Cục Trồng trọt xem xét tính đầy đủ của thành phần hồ sơ; trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ theo quy định, thông báo bằng văn bản cho tổ chức, cá nhân;

c) Trường hợp nộp hồ sơ qua môi trường điện tử: Trong thời hạn không quá 08 giờ làm việc, kể từ thời điểm nhận được hồ sơ, Cục Trồng trọt xem xét tính đầy đủ của thành phần hồ sơ; trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ theo quy định, thông báo cho tổ chức, cá nhân.

4. Cách thức nộp phí, lệ phí thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức, cá nhân nộp phí, lệ phí theo quy định hiện hành trực tiếp tại Cục Trồng trọt hoặc qua dịch vụ khác theo quy định của pháp luật.

5. Cách thức trả kết quả: Cục Trồng trọt trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính trực tiếp tại nơi nhận hồ sơ hoặc gửi qua dịch vụ bưu chính hoặc qua môi trường điện tử.

6. Trong Thông tư này có nội dung thủ tục hành chính quy định khác với quy định nêu tại các khoản 1, 2, 3, 4 và 5 Điều này thì thực hiện theo quy định đó.

7. Trường hợp các tài liệu trong hồ sơ quy định tại khoản 2 Điều 174 Luật sở hữu trí tuệ phải dịch ra tiếng Việt, bản dịch được công chứng hoặc có xác nhận của người đăng ký.

8. Tổ chức, cá nhân chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính xác thực của hồ sơ đã nộp.”

4. Sửa đổi, bổ sung Điều 6 như sau:

“Điều 6. Giống cây trồng được biết đến rộng rãi và tính mới của giống cây trồng

1. Giống cây trồng được biết đến rộng rãi là giống cây trồng thuộc một trong các trường hợp sau đây:

a) Giống cây trồng mà vật liệu nhân giống hoặc vật liệu thu hoạch của giống đó được sử dụng một cách rộng rãi trên thị trường Việt Nam hoặc ở bất kỳ quốc gia nào tại thời điểm nộp đơn đăng ký bảo hộ;

b) Giống cây trồng được bảo hộ hoặc được công nhận lưu hành hoặc công nhận lưu hành đặc cách, tự công bố lưu hành, công nhận sản xuất thử, công nhận chính thức tại Việt Nam hoặc thuộc danh mục giống được phép sản xuất kinh doanh ở bất kỳ quốc gia nào;

c) Giống cây trồng là đối tượng trong đơn đăng ký nhằm mục đích: bảo hộ giống cây trồng; công nhận lưu hành hoặc công nhận lưu hành đặc cách; danh mục giống ở bất kỳ quốc gia nào, nếu các đơn này không bị từ chối.

2. Tính mới đối với giống cây trồng

Giống cây trồng được coi là không còn tính mới sau mười hai (12) tháng kể từ ngày được phép sản xuất, kinh doanh tại Việt Nam. Giống được phép sản xuất, kinh doanh gồm: giống đã được công nhận chính thức; giống có tên trong danh mục giống cây trồng được phép sản xuất, kinh doanh tại Việt Nam; giống được cấp quyết định công nhận lưu hành hoặc công nhận lưu hành đặc cách; giống tự công bố lưu hành được đăng tải trên trang thông tin điện tử của Cục Trồng trọt.”

5. Sửa đổi, bổ sung Điều 7 như sau:

“Điều 7. Biểu mẫu về bảo hộ quyền đối với giống cây trồng

1. Tờ khai đăng ký hợp đồng chuyển nhượng quyền đối với giống cây trồng theo Mẫu tại Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư này.

2. Tờ khai yêu cầu bắt buộc chuyển giao quyền sử dụng giống cây trồng theo Mẫu tại Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư này.”

6. Sửa đổi, bổ sung Điều 8 như sau:

“Điều 8. Phí, lệ phí bảo hộ quyền đối với giống cây trồng

1. Phí, lệ phí về bảo hộ quyền đối với giống cây trồng được thực hiện theo quy định tại Thông tư số 207/2016/TT-BTC ngày 09/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực trồng trọt và giống cây lâm nghiệp (sau đây viết tắt là Thông tư số 207/2016/TT-BTC).

2. Thời hạn nộp phí duy trì hiệu lực theo quy định tại khoản 2 Điều 24 Nghị định số 88/2010/NĐ-CP ngày 16/08/2010 của Chính phủ quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về quyền đối với giống cây trồng (sau đây viết tắt là Nghị định số 88/2010/NĐ-CP).

3. Trường hợp Thông tư số 207/2016/TT-BTC được sửa đổi, bổ sung, hoặc thay thế bằng văn bản quy phạm pháp luật khác thì áp dụng theo văn bản mới được ban hành.”

7. Sửa đổi, bổ sung Điều 9 như sau:

“Điều 9. Nhận đơn, chuyển nhượng quyền nộp đơn đăng ký bảo hộ giống cây trồng

1. Đơn đăng ký bảo hộ quyền đối với giống cây trồng gồm các tài liệu:

a) Tờ khai đăng ký bảo hộ giống cây trồng theo Mẫu tại Phụ lục IV ban hành kèm theo Thông tư này;

b) Tờ khai kỹ thuật khảo nghiệm tính khác biệt, tính đồng nhất, tính ổn định (khảo nghiệm DUS)

- Trường hợp giống đăng ký thuộc loài cây trồng đã có tài liệu hướng dẫn, quy phạm khảo nghiệm, Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia (QCVN), Tiêu chuẩn quốc gia (TCVN) về khảo nghiệm DUS của Việt Nam/UPOV: sử dụng Mẫu tờ khai kỹ thuật trong các tài liệu trên;

- Trường hợp giống đăng ký không thuộc loài cây trồng đã có tài liệu hướng dẫn, quy phạm khảo nghiệm, QCVN, TCVN về khảo nghiệm DUS của Việt Nam/UPOV: sử dụng theo Mẫu tờ khai kỹ thuật tại Phụ lục V ban hành kèm theo Thông tư này;

c) Giấy uỷ quyền theo Mẫu tại Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư này (trường hợp nộp đơn thông qua đại diện);

d) Ảnh chụp mẫu giống: Tối thiểu 03 ảnh màu, kích cỡ tối thiểu 9cm x 15cm thể hiện 3 tính trạng đặc trưng của giống đăng ký;

đ) Tài liệu chứng minh quyền đăng ký (hợp đồng chuyển giao quyền sử dụng giống cây trồng, tài liệu chứng minh người đăng ký là đại diện hợp pháp của chủ sở hữu giống đăng ký);

e) Tài liệu chứng minh quyền ưu tiên, nếu đơn có yêu cầu hưởng quyền ưu tiên;

g) Chứng từ nộp phí, lệ phí.

2. Ngày nhận đơn đăng ký bảo hộ giống cây trồng là ngày đơn được Cục Trồng trọt tiếp nhận đầy đủ thành phần hồ sơ theo quy định tại khoản 1 Điều này.

3. Thông báo chấp nhận đơn đăng ký bảo hộ giống cây trồng theo Mẫu tại Phụ lục VI ban hành kèm theo Thông tư này.

4. Trước khi Cục Trồng trọt ra quyết định cấp bằng bảo hộ giống cây trồng hoặc thông báo từ chối cấp bằng bảo hộ giống cây trồng, người đăng ký có quyền chuyển nhượng quyền nộp đơn đăng ký bảo hộ giống cây trồng cho người khác. Người được chuyển nhượng gửi Hợp đồng chuyển nhượng quyền nộp đơn đăng ký bảo hộ giống cây trồng về Cục Trồng trọt.”

8. Sửa đổi, bổ sung Điều 10 như sau:

“Điều 10. Sửa đổi, bổ sung đơn đăng ký bảo hộ giống cây trồng

1. Trước thời điểm cấp bằng bảo hộ giống cây trồng, tổ chức, cá nhân được sửa đổi, bổ sung đơn đăng ký bảo hộ trong các trường hợp sau:

a) Sửa đổi, bổ sung đơn nhưng không làm thay đổi bản chất đơn đăng ký bảo hộ: lỗi chính tả về tên, địa chỉ của người đăng ký, chủ sở hữu, tác giả và tên giống cây trồng;

b) Thay đổi tên, địa chỉ của người đăng ký, chủ sở hữu, tác giả giống cây trồng có căn cứ pháp lý;

c) Thay đổi tên, địa chỉ người đăng ký theo yêu cầu của chủ sở hữu (trường hợp nộp đơn qua đại diện); thay đổi tên, địa chỉ chủ sở hữu, tác giả giống cây trồng do chuyển nhượng đơn theo hợp đồng hoặc thừa kế, kế thừa.

2. Hồ sơ:

a) Tờ khai yêu cầu sửa đổi, bổ sung đơn theo Mẫu tại Phụ lục VII ban hành kèm theo Thông tư này;

b) Bản sao có chứng thực hợp đồng chuyển nhượng (trường hợp chuyển nhượng đơn đăng ký); hoặc căn cứ pháp lý chứng minh việc thay đổi tên, địa chỉ người đăng ký, chủ sở hữu, tác giả giống cây trồng;

c) Tài liệu chứng minh việc thừa kế, kế thừa (có xác nhận của chủ sở hữu đăng ký), Tài liệu chứng minh quyền nhân thân giữa chủ sở hữu đăng ký và người nhận thừa kế; Giấy chứng từ hoặc trích lục khai tử của chủ sở hữu đăng ký (nếu có);

d) Giấy uỷ quyền theo Mẫu tại Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư này đối với trường hợp thay đổi đại diện.

3. Trình tự, thời gian giải quyết:

Trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ, Cục Trồng trọt tổ chức thẩm định hồ sơ. Trường hợp hồ sơ hợp lệ, Cục Trồng trọt ban hành thông báo chấp nhận sửa đổi, bổ sung, trả kết quả cho người đăng ký và đăng tải thông báo trên cổng thông tin điện tử của Cục Trồng trọt. Trường hợp hồ sơ chưa hợp lệ, Cục Trồng trọt trả lời bằng văn bản cho người đăng ký có nêu rõ lý do.

4. Các yêu cầu sửa đổi, bổ sung đơn đăng ký bảo hộ giống cây trồng không thuộc các trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này thì nộp lại đơn đăng ký bảo hộ giống cây trồng.”

9. Sửa đổi, bổ sung Điều 16 như sau:

“Điều 16. Khảo nghiệm DUS do người nộp đơn thực hiện

1. Ngoài các tài liệu theo quy định tại Điều 174 Luật Sở hữu trí tuệ, người đăng ký đăng ký tự thực hiện khảo nghiệm DUS đối với giống đăng ký bảo hộ nộp bổ sung các tài liệu sau đây:

a) Bản kê khai chi tiết điều kiện được tự khảo nghiệm DUS theo Mẫu tại Phụ lục VIII ban hành kèm theo Thông tư này, phù hợp với yêu cầu cụ thể tại tài liệu hướng dẫn, quy phạm khảo nghiệm, QCVN, TCVN về khảo nghiệm DUS của Việt Nam/UPOV đối với từng loài cây trồng;

b) Kế hoạch khảo nghiệm DUS theo Mẫu tại Phụ lục IX ban hành kèm theo Thông tư này.

2. Cục Trồng trọt xem xét hồ sơ đăng ký tự thực hiện khảo nghiệm DUS. Người đăng ký liên hệ tổ chức khảo nghiệm DUS được công nhận phối hợp thực hiện việc kiểm tra, đánh giá khảo nghiệm DUS. Đối với loài cây trồng chưa có tổ chức khảo nghiệm DUS được công nhận phối hợp thực hiện khảo nghiệm, Cục Trồng trọt thành lập tổ chuyên gia kiểm tra quá trình khảo nghiệm kỹ thuật. Tổ chuyên gia gồm: thành viên Văn phòng Bảo hộ giống cây trồng, chuyên gia của tổ chức khảo nghiệm DUS được công nhận và chuyên gia về loài cây trồng đó.

3. Đối với loài cây trồng chưa có tài liệu hướng dẫn, quy phạm khảo nghiệm, QCVN, TCVN về khảo nghiệm DUS của Việt Nam/UPOV thì thực hiện theo tài liệu hướng dẫn do Cục Trồng trọt ban hành.

4. Kiểm tra tại chỗ

a) Đối với loài cây trồng chưa có tổ chức khảo nghiệm DUS được công nhận phối hợp thực hiện khảo nghiệm, tổ chuyên gia đánh giá thí nghiệm khảo nghiệm DUS ít nhất 01 lần vào thời điểm phù hợp theo tài liệu hướng dẫn, quy phạm khảo nghiệm, QCVN, TCVN về khảo nghiệm DUS của Việt Nam/UPOV hoặc tài liệu hướng dẫn do Cục Trồng trọt ban hành.

b) Nội dung kiểm tra: việc đáp ứng điều kiện được tự khảo nghiệm của tổ chức, cá nhân đăng ký; việc thực hiện khảo nghiệm; đánh giá tính khác biệt so với giống tương tự nhất; tính đồng nhất, tính ổn định.

c) Biên bản kiểm tra tại chỗ được lập theo Mẫu tại Phụ lục X ban hành kèm theo Thông tư này và lưu trong hồ sơ đăng ký bảo hộ giống cây trồng. Cục Trồng trọt căn cứ biên bản kiểm tra để thẩm định báo cáo kết quả khảo nghiệm DUS do người đăng ký tự thực hiện.

5. Trong thời hạn 45 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc khảo nghiệm, tổ chức, cá nhân tự thực hiện khảo nghiệm DUS gửi Cục Trồng trọt báo cáo kết quả khảo nghiệm DUS theo Mẫu tại Phụ lục XI ban hành kèm theo Thông tư này.”

10. Sửa đổi, bổ sung Điều 17 như sau:

“Điều 17. Thời hạn nộp mẫu giống, quản lý và sử dụng mẫu giống cây trồng

1. Đối với giống cây trồng thực hiện khảo nghiệm theo điểm a khoản 1 Điều 15 Nghị định số 88/2010/NĐ-CP: Nếu đơn đăng ký bảo hộ giống cây trồng được chấp nhận, người đăng ký phải nộp mẫu giống phục vụ khảo nghiệm DUS và lưu mẫu cho tổ chức khảo nghiệm được công nhận trước thời vụ gieo trồng đầu tiên ít nhất 20 ngày.

2. Đối với giống cây trồng thực hiện khảo nghiệm theo các điểm b, c và d khoản 1 Điều 15 Nghị định số 88/2010/NĐ-CP, giống cây trồng nhân giống vô tính: chủ sở hữu tự lưu mẫu giống.

3. Khối lượng và chất lượng mẫu giống gửi khảo nghiệm và lưu mẫu theo quy định tại tài liệu hướng dẫn, quy phạm khảo nghiệm, QCVN, TCVN về khảo nghiệm DUS của Việt Nam/UPOV đối với loài cây trồng đó.

4. Chủ sở hữu giống cây trồng có trách nhiệm nộp mẫu giống được bảo hộ khi cơ quan nhà nước có thẩm quyền yêu cầu trong thời gian bằng bảo hộ giống cây trồng đó còn hiệu lực. Mẫu giống phải đảm bảo chất lượng theo quy định tại khoản 3 Điều này, mức độ biểu hiện của các tính trạng phù hợp với bản mô tả giống tại thời điểm đăng ký bảo hộ.

5. Mẫu giống phải được lưu giữ trong thời hạn 25 năm đối với giống cây thân gỗ, cây nho; 20 năm đối với các giống cây trồng khác tính từ ngày cấp bằng bảo hộ giống cây trồng đó.

6. Việc sử dụng mẫu giống lưu ngoài các mục đích: Khảo nghiệm DUS, kiểm nghiệm, hậu kiểm nhằm xác định tính đúng giống hoặc giải quyết tranh chấp, khiếu kiện phải được sự đồng ý bằng văn bản của chủ sở hữu giống cây trồng.”

11. Sửa đổi, bổ sung Điều 19 như sau:

“Điều 19. Cấp, cấp lại bằng bảo hộ giống cây trồng

1. Cấp bằng bảo hộ giống cây trồng

a) Hồ sơ: Báo cáo kết quả khảo nghiệm DUS theo Mẫu tại Phụ lục XI ban hành kèm theo Thông tư này.

b) Trình tự thực hiện theo quy định tại Điều 20 Nghị định số 88/2010/NĐ-CP. Bảng bảo hộ giống cây trồng được cấp theo Mẫu tại Phụ lục XII ban hành kèm theo Thông tư này.

2. Cấp lại bằng bảo hộ giống cây trồng

Chủ sở hữu có quyền yêu cầu cấp lại bằng bảo hộ giống cây trồng trong các trường hợp sau: mất, rách, hỏng, phai mờ đến mức không đọc được, thay đổi chủ sở hữu hoặc sai sót liên quan đến tên và địa chỉ của chủ bằng bảo hộ.

a) Hồ sơ:

Tờ khai yêu cầu cấp lại bằng bảo hộ giống cây trồng theo Mẫu tại Phụ lục XIII ban hành kèm theo Thông tư này;

Tài liệu pháp lý chứng minh việc thay đổi tên, địa chỉ chủ bằng bảo hộ giống cây trồng đối với trường hợp thay đổi chủ sở hữu hoặc sai sót liên quan đến tên và địa chỉ của chủ bằng bảo hộ;

Bản chính bằng bảo hộ giống cây trồng (trừ trường hợp bằng bị mất);

Giấy ủy quyền theo Mẫu tại Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư này đối với trường hợp nộp đơn qua đại diện.

b) Trình tự thực hiện:

Trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ, Cục Trồng trọt tổ chức thẩm định hồ sơ. Trường hợp hồ sơ hợp lệ, Cục Trồng trọt quyết định cấp lại bằng bảo hộ giống cây trồng và trả kết quả cho người đăng ký. Trường hợp hồ sơ chưa hợp lệ, Cục Trồng trọt trả lời bằng văn bản cho người đăng ký và nêu rõ lý do.

c) Trường hợp có ý kiến phản đối việc cấp lại bằng bảo hộ giống cây trồng của người thứ ba, việc xử lý ý kiến thực hiện theo các quy định tại Điều 184 Luật Sở hữu trí tuệ.

d) Bảng bảo hộ giống cây trồng cấp lại được cấp sau 30 ngày kể từ ngày đăng tải quyết định cấp lại trên Tạp chí Nông nghiệp & Phát triển nông thôn. Bảng bảo hộ giống cây trồng cấp lại phải được giữ nguyên số bằng và ghi rõ nội dung “cấp lại” tại góc trái phía dưới của bằng bảo hộ.”

12. Sửa đổi, bổ sung Điều 20 như sau:

“Điều 20. Đình chỉ, phục hồi, hủy bỏ hiệu lực bằng bảo hộ giống cây trồng

1. Trình tự, thủ tục đình chỉ hiệu lực Bằng bảo hộ giống cây trồng do không còn đáp ứng điều kiện về tính đồng nhất và tính ổn định như tại thời điểm cấp bằng thực hiện theo quy định tại Điều 21 Nghị định số 88/2010/NĐ-CP. Các trường hợp đình chỉ hiệu lực bằng bảo hộ giống cây trồng khác thực hiện theo quy định tại Điều 170 Luật Sở hữu trí tuệ.

2. Phục hồi hiệu lực bằng bảo hộ giống cây trồng

a) Chủ sở hữu bằng bảo hộ giống cây trồng được khắc phục lý do bị đình chỉ theo quy định tại khoản 5 Điều 170 Luật Sở hữu trí tuệ.

Hồ sơ yêu cầu phục hồi hiệu lực bằng bảo hộ giống cây trồng gồm: Đơn đề nghị phục hồi hiệu lực bằng bảo hộ giống cây trồng; Chứng cứ chứng minh đã khắc phục lý do bị đình chỉ; Biên lai nộp phí phục hồi hiệu lực bằng bảo hộ giống cây trồng.

b) Trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ, Cục Trồng trọt tổ chức thẩm định hồ sơ. Trường hợp hồ sơ hợp lệ, Cục Trồng trọt ban hành quyết định phục hồi hiệu lực bằng bảo hộ giống cây trồng và trả kết quả cho người đăng ký. Quyết định phục hồi hiệu lực bằng bảo hộ giống cây trồng được đăng tải trên Tạp chí Nông nghiệp & Phát triển nông thôn. Trường hợp hồ sơ chưa hợp lệ, Cục Trồng trọt trả lời bằng văn bản cho người đăng ký có nêu rõ lý do.

3. Hủy bỏ hiệu lực bằng bảo hộ giống cây trồng

Khi xác định ý kiến phản đối của người thứ 3 về một trong các trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 171 Luật Sở hữu trí tuệ là đủ căn cứ pháp lý, cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành quyết định hủy bỏ hiệu lực bằng bảo hộ giống cây trồng và công bố trên Tạp chí Nông nghiệp & Phát triển nông thôn.”

13. Thay thế Phụ lục 1 bằng Phụ lục I; Phụ lục 3 bằng Phụ lục II; Phụ lục 4 bằng Phụ lục III; Phụ lục 5 bằng Phụ lục IV; Phụ lục 6 bằng Phụ lục VI; Phụ lục 7 bằng Phụ lục VII; Phụ lục 11 bằng Phụ lục VIII; Phụ lục 12 bằng Phụ lục IX; Phụ lục 9 bằng Phụ lục X; Phụ lục 13 bằng Phụ lục XI; Phụ lục 14 bằng Phụ lục XII; Phụ lục 15, 16 bằng Phụ lục XIII ban hành kèm theo Thông tư này.

Điều 2. Bãi bỏ một số quy định của Thông tư số 16/2013/TT-BNNPTNT

Bãi bỏ: Điều 11, Điều 12, Điều 13, Điều 14, Điều 15, Điều 21, Điều 22, Điều 27, Điều 28, Điều 29 và các Phụ lục 2, 10, 17.

Điều 3. Hiệu lực thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực kể từ ngày .06 tháng .8 năm 2021

2. Thông tư số 41/2009/TT-BNNPTNT ngày 9 tháng 7 năm 2009 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Quy định về quản lý và sử dụng Mẫu giống cây trồng hết hiệu lực kể từ ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành.

3. Quy định chuyên tiếp:

a) Đơn đăng ký bảo hộ giống cây trồng nộp trước ngày Thông tư này có hiệu lực thực hiện theo quy định của Thông tư số 16/2013/TT-BNNPTNT và các văn bản pháp luật có hiệu lực liên quan; trình tự, thủ tục sửa đổi, bổ sung Đơn đăng ký; sửa đổi, bổ sung, cấp lại bằng bảo hộ giống cây trồng thực hiện theo quy định tại Thông tư này.

b) Hồ sơ chuyển nhượng đơn đăng ký bảo hộ giống cây trồng; hồ sơ đình chỉ, phục hồi, hủy bỏ hiệu lực bằng bảo hộ giống cây trồng; hồ sơ xử lý ý kiến phản đối của người thứ ba nộp trước ngày Thông tư này có hiệu lực thực hiện theo quy định của Thông tư số 16/2013/TT-BNNPTNT và các văn bản pháp luật có hiệu lực liên quan.

4. Cục trưởng Cục Trồng trọt, Chánh Văn phòng Bộ, Thủ trưởng các đơn vị thuộc Bộ và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này.

5. Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn vướng mắc, tổ chức, cá nhân kịp thời phản ánh về Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn để xem xét, giải quyết./.

Nơi nhận:

- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc CP;
- UBND các tỉnh, TP trực thuộc TƯ;
- Sở Nông nghiệp và PTNT các tỉnh, TP trực thuộc TƯ;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL - Bộ Tư pháp;
- Bộ NN và PTNT: Bộ trưởng; các Thứ trưởng; Tổng cục; Cục, Vụ, Thanh tra, Văn phòng - Bộ NN & PTNT;
- Công báo Chính phủ;
- Website Chính phủ;
- Website Bộ NN&PTNT;
- Lưu: VT, TT.

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**



Lê Quốc Doanh